



# XÂY DỰNG HỆ THỐNG KÍ HIỆU BRAILLE VIẾT TẮT: BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH KHIẾM THỊ

• Th.S PHẠM MINH MỤC

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

Theo số liệu điều tra của Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục tháng 3 năm 2005, Việt Nam hiện có 1,15 triệu trẻ em khuyết tật, trong đó trẻ khiếm thị chiếm tỉ lệ 13,73% tức là khoảng 152.400 em. Trong số 152.400 em bị khiếm thị thì có khoảng 20.000 em có nhu cầu chăm sóc và giáo dục đặc biệt (trong khuôn khổ bài báo này đối tượng trẻ khiếm thị có nhu cầu chăm sóc, giáo dục đặc biệt được nói đến là trẻ em mù).

Cũng theo số liệu điều tra trên, đến năm học 2005-2006 đã có 269.000 trẻ em khuyết tật được đi học, tập trung chủ yếu ở cấp tiểu học. Trong đó, trẻ khiếm thị chiếm tỉ lệ cao nhất, đồng thời trẻ khiếm thị cũng là đối tượng đang học tập có hiệu quả nhất. Tuy nhiên, trẻ khiếm thị vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong học tập và sinh hoạt, đặc biệt là định hướng di chuyển, vận động và kĩ năng đọc, viết chữ nổi Braille.

## 1. Những khó khăn của trẻ khiếm thị trong rèn luyện kĩ năng đọc, viết chữ nổi Braille

Qua khảo sát thực tế các kĩ năng đọc, viết của học sinh khiếm thị đang theo học trên địa bàn cả nước cho kết quả như sau: Đối với học sinh khiếm thị các lớp 1, 2 và 3 ở các trường chuyên biệt hoặc các cơ sở giáo dục được kèm học ngày 2 buổi/ngày (buổi sáng học chương trình tiểu học, buổi chiều tập trung chủ yếu vào việc rèn luyện kĩ năng đọc và viết chữ Braille) thì các em có thể đạt được tốc độ bằng 70-75 % so với các bạn cùng lớp, các em học ở các lớp 4-5 có thể đạt tới mức độ 75-85 %. Như vậy, vẫn còn kém rất xa so với học sinh sáng học cùng lớp. Đối với học sinh khiếm thị học hoà nhập thì còn khó khăn hơn rất nhiều. Vì những lí do khác nhau, như: các em không có thời gian học thêm, giáo viên chưa có đủ kĩ năng và phương pháp hướng dẫn các em đọc, viết chữ nổi Braille. Vì vậy, với kĩ năng viết các em chỉ đạt mức độ gần bằng 50% và kĩ năng đọc thì còn thấp hơn nữa so với các bạn học cùng lớp hoà nhập.

Để học sinh khiếm thị có thể đạt được mục tiêu và hoàn thành nội dung giáo dục của chương trình giáo dục tiểu học, chúng ta phải giải quyết được những khó khăn mà trẻ khiếm thị gặp phải

trong quá trình rèn luyện kĩ năng đọc, viết nhằm nâng cao chất lượng học tập của các em.

Qua nhiều năm làm việc và công tác nghiên cứu chúng tôi nhận thấy những khó khăn cơ bản mà trẻ khiếm thị gặp phải trong quá trình đọc, viết như sau:

Thứ nhất: (Về cấu trúc của hệ thống kí hiệu nổi Braille.) Trẻ khiếm thị có nhu cầu đặc biệt do sự suy giảm đáng kể hoặc mất hoàn toàn thị lực nên trẻ không thể sử dụng chữ phổ thông mà phải sử dụng hệ thống kí hiệu nổi Braille (hệ thống kí hiệu dùng cho người mù trên toàn thế giới - UNESCO khuyến cáo năm 1950). Hệ thống kí hiệu nổi Braille được cấu trúc theo hệ ngôn ngữ ghi âm, mỗi chữ cái được ghi trong một ô chữ Braille, mỗi ô chữ có kích thước cố định là 4,5 mm x 7,5 mm, các chữ cái ghép lại với nhau thành các âm, vần và chữ. Trong chữ viết tiếng Việt, ngoài kí tự còn có các dấu thanh, dấu thanh (ở chữ phổ thông) được đặt ở hàng trên hoặc hàng dưới so với hàng các kí tự. Nhưng hệ thống kí hiệu nổi Braille chỉ được ghi trên cùng một hàng. Vì vậy, với cùng một tiếng có số lượng các chữ cái bằng nhau thì chữ nổi được viết dài hơn so với chữ phổ thông. So sánh một dòng chữ viết phổ thông khi dịch sang chữ nổi Braille ta sẽ thấy rất rõ. Với một dòng chữ phổ thông trên khổ giấy A 4 với cỡ chữ 14 có trung bình 58-60 kí tự, 12-15 dấu thanh, 2-3 dấu câu và 16-18 dấu cách giữa các tiếng. Như vậy, trên một dòng có thể thể hiện được từ 90 đến 93 kí tự, dấu thanh và ô cách giữa các tiếng. Trong khi đó một dòng chữ Braille trên khổ giấy A4 chỉ có 40 ô Braille, có nghĩa là trung bình một dòng chữ phổ thông khi chuyển đổi sang chữ nổi thành 2,5 dòng chữ nổi.

Thứ hai: Người sáng đọc bằng mắt thì trường thị giác có khả năng nhìn bao quát hết cả dòng chữ (thậm chí nhiều dòng) nên trong khi đọc chữ thứ nhất người đọc đã có thể nhận biết các chữ liền kề để nhận dạng và ghép vần, còn với trẻ khiếm thị phải đọc bằng tay sờ thì khi sờ đến đâu biết đến đó và thậm chí trong một tiếng trẻ phải sờ đến kí tự cuối cùng mới ghép được vần của tiếng đó. Đây cũng là lí do làm giảm đáng kể tốc độ đọc của trẻ.

Thứ ba: Do ảnh hưởng của tật thị giác, nên trẻ khiếm thị thường ít tham gia hoạt động hơn trẻ sáng cùng độ tuổi nên hệ cơ bắp cũng kém phát triển hơn trẻ bình thường, nói cách khác, hệ cơ bắp của trẻ khiếm thị yếu hơn nhiều so với trẻ sáng cùng độ tuổi. Khi viết chữ phổ thông trẻ sáng chỉ cần nhẹ nhàng đưa nét bút theo cấu trúc của các nét chữ, còn trẻ khiếm thị phải dùng sức với các thiết bị là các dùi viết, chọc lỗm giấy để tạo thành các chấm nổi ở mặt bên kia của tờ giấy, nên trẻ "viết" rất chậm, vất vả và trẻ bị mỏi mệt chỉ sau một thời gian ngắn tập "viết" các kí hiệu nổi.

Vì những lí do như phân tích ở trên cho thấy rõ ràng trẻ khiếm thị đọc, viết chậm hơn nhiều so với trẻ sáng. Nếu trẻ khiếm thị không cải thiện được khả năng đọc viết thì hậu quả tất yếu là mức độ tiếp thu tri thức sẽ bị giảm, kết quả học tập cũng sẽ giảm theo. Vấn đề đặt ra là ở chỗ: muốn học sinh khiếm thị đạt được kết quả học tập tương đương trẻ sáng thì ngoài những nỗ lực của bản thân trẻ, sự động viên giúp đỡ của giáo viên, nhà trường, còn cần phải xây dựng được hệ thống kí hiệu Braille ngắn gọn, dễ nhớ và khoa học – yếu tố tiền đề cho trẻ tiếp thu tri thức và hoàn thành mục tiêu giáo dục.

## 2. Xây dựng hệ thống kí hiệu chữ nổi Braille viết tắt cho học sinh khiếm thị

Chữ Quốc ngữ (tiếng Việt) ra đời đã gần 4 thế kỉ. Từ đó đến nay ngữ âm không ngừng biến đổi mà văn thể hiện bằng bảng chữ cái ban đầu. Tuy nhiên, xã hội loài người càng văn minh thì nhu cầu truyền và nhận thông tin càng lớn. Khi ấy, ngôn ngữ, với tư cách là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người phải phục vụ nhu cầu đó một cách hữu hiệu nhất, để sao cho cùng một đơn vị thời gian lượng thông tin truyền và nhận cao nhất. Việc nên thông tin vào kí hiệu để giảm tối đa độ dài văn bản là một nỗ lực thường xuyên của ngôn ngữ học hiện đại. Muốn vậy, trước hết phải rút ngắn độ dài của các đơn vị mang tin tối thiểu, tức là các định danh, vốn là vật liệu để tạo ra văn bản giao tiếp. Đáp ứng nhu cầu trên (cũng là nhu cầu của trẻ khiếm thị vừa phân tích ở trên) ngôn ngữ đã tự tìm cho mình phương cách thông minh nhất: Chữ tắt ra đời.

Chữ tắt là một loại kí hiệu định danh đặc biệt, chỉ có ở các ngôn ngữ thành văn. Chữ tắt được cấu tạo theo quy tắc riêng, rất đa dạng và không giống với các quy tắc cấu tạo từ thường gặp trong ngôn ngữ. Việc tìm ra một số cách đặt chữ tắt và đọc chúng để hiểu nội dung thông tin truyền tải trong kí hiệu ngôn ngữ là cách có thể giúp mọi người hiểu và sử dụng các quy ước góp phần chuẩn hoá chữ tắt trong tiếng Việt.

Việc nghiên cứu sử dụng chữ viết tắt trong tiếng Việt đã được các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu từ những năm 70 của thế kỉ trước như

Nguyễn Kim Thản, Võ Huỳnh Mai, Trần Ngọc Thêm... Trong các công trình nghiên cứu của mình các tác giả đã tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, song đều có một điểm chung là đều đề cập đến hai vấn đề cơ bản: cấu tạo và phân loại các đơn vị tắt trong tiếng Việt. Về cấu tạo của định danh tắt, tất cả các tác giả chỉ ra mấy kiểu sau:

- Kết hợp các âm tiết đầu từ;
- Kết hợp các chữ cái đầu từ;
- Hồn hợp 2 kiểu trên;
- Kết hợp nghĩa;
- Không theo qui luật nào.

Nghiên cứu các cứ liệu định danh tắt tổ trong tiếng Việt tác giả Mai Xuân Huy phân thành 2 nhóm lớn theo tiêu chí cấu tạo từ như sau:

- Định danh tắt đơn thành tố, gồm có:
  - + Định danh tắt chỉ gồm 1 hoặc 2 đại diện cho 1 từ. Ví dụ: tr = trang, x = xem.
  - + Định danh tắt gồm một đoạn cắt đại diện cho một từ hoặc tên một tổ chức. Ví dụ Hà = Hà Nội, Tel = Telephone
  - + Định danh tắt gồm một tiếng. Ví dụ: Nam = Nam Định, Thái = Thái Nguyên
  - + Định danh tắt gồm một từ hoặc tên riêng.
  - Định danh tắt đa thành tố (gồm có rất nhiều các dạng khác nhau).

Hệ thống kí hiệu Braille là ngôn ngữ ghi âm hoàn toàn giống với tiếng Việt, nên chúng ta cũng có thể sử dụng các nguyên tắc của xây dựng chữ viết tắt tiếng Việt đã nêu trên để xây dựng kí hiệu Braille tiếng Việt viết tắt. Tuy nhiên, các kí hiệu của chữ Braille được hình thành bằng cách thay đổi số lượng các chấm và vị trí các chấm trong 1 ô chữ, thì với ô chữ Braille 6 chấm chúng ta chỉ có tổng cộng 64 kí hiệu, nếu chúng ta xây dựng quá nhiều tổ hợp kí hiệu viết tắt sẽ bị trùng lặp và gây nhầm lẫn trong quá trình đọc, viết và đặc biệt các kí hiệu phải được xây dựng sao cho phù hợp với mức độ nhận thức, khả năng tư duy logic ngôn ngữ của học sinh tiểu học và khả năng đọc bằng tay của học sinh khiếm thị.

Nhằm đáp ứng được nhu cầu nâng cao tốc độ đọc, viết của học sinh khiếm thị lên ngang bằng với học sinh sáng đồng thời các kí hiệu tắt phải được xây dựng sao cho dễ nhớ, gợi nhớ và không gây nhầm lẫn, chúng tôi xin đề xuất một số quy tắc xây dựng kí hiệu nổi viết tắt sau:

### Mức độ 1: (dành cho học sinh đầu cấp học)

Xây dựng kí hiệu với các phụ âm đầu và cuối là phụ âm kép: Trong tiếng Việt có nhiều phụ âm đầu hoặc cuối được sử dụng bằng hai hoặc ba phụ âm ghép lại. Như vậy, thay bằng viết đầy đủ các phụ âm đó bằng 2-3 ô chữ Braille thì chúng ta xây dựng một kí hiệu mới định danh cho các phụ âm trên. Như thế chúng ta đã tiết kiệm được ít nhất một nửa số kí hiệu.

- Các trường hợp cụ thể với các phụ âm kép là phụ âm đầu:

<i>Chữ phổ thông</i>	<i>Kí hiệu nối viết tắt</i>	<i>Chữ phổ thông</i>	<i>Kí hiệu nối viết tắt</i>
ch	::	nh	::
gi	::	ph	::
gh	::	th	::
kh	::	tr	::
ng, ngh	::		

- Các trường hợp cụ thể với các phụ âm kép là phụ âm cuối:

<i>Chữ phổ thông</i>	<i>Kí hiệu nối viết tắt</i>	<i>Chữ phổ thông</i>	<i>Kí hiệu nối viết tắt</i>
ch	::	nh	::
ng, ngh	::		

- Các trường hợp cụ thể với các nguyên âm kép :

<i>Chữ phổ thông</i>	<i>Kí hiệu nối viết tắt</i>	<i>Chữ phổ thông</i>	<i>Kí hiệu nối viết tắt</i>
iê, yê	::	oe	::
ươ	::	uê	::
uô	::	uâ	::
oa	::	uy	::
oã	::	uyê	::

- Các vần cụ thể được viết tắt bằng các kí hiệu:

<i>Chữ phổ thông</i>	<i>Kí hiệu nối viết tắt</i>	<i>Chữ phổ thông</i>	<i>Kí hiệu nối viết tắt</i>
an	::	uyên	::
ây	::	uộc	::
ay	::	ưc	::
áp	::	ât	::
ac	::	âu	::
ước	::	on	::
iêc	::	ơn	::
ươi	::	âm	::
ương	::	iên	::
ao	::	ua	::
ăm	::	uyêt	::
am	::	at	::
ông	::	ăt	::
ong	::	yên	::
anh	::	ân	::
inh	::	ia, ya	::
ai	::	ăn	::
ôi	::	ach	::
oi	::	ưa	::
ang	::	ôt	::
ăng	::	iết	::
iên	::	ơ	::
iên	::	ung	::
iêp	::	ưng	::

Như vậy, ở mức độ 1, khi chúng ta sử dụng các kí hiệu viết tắt như trên chúng ta đã "tiết kiệm" được hơn 50% kí hiệu và tất nhiên trẻ sẽ nâng cao được tốc độ đọc và viết. Tuy nhiên, trẻ khiếm thị phải nhớ tất cả các kí hiệu viết tắt trên và trong quá trình viết trẻ phải viết đúng chính tả. Lưu ý, trẻ không được dùng kí hiệu viết tắt thay cho các âm tiết.



**Mức độ 2:**

Dạng 1: Dùng các kí hiệu độc lập để viết tắt cho các từ có một tiếng. Ví dụ: biết = :

Dạng 2: Dùng 2 kí hiệu liền nhau để viết tắt cho các từ có một tiếng và có dấu thanh, kí hiệu 1 là dấu thanh của tiếng đó, kí hiệu 2 là chữ cái đầu (có thể được viết các cách khác nhau). Ví dụ: bài = :: (2 ô Braille) (viết đủ: bài = :: :: :: :: 4 ô Braille)

Trên đây là hai cách viết tắt đơn giản. Chúng ta cũng có thể vận dụng các quy tắc khác và phối hợp vận dụng các quy tắc khác nhau cho một từ, một ngữ hoặc một câu để có thể rút gọn hơn nữa. Tuy nhiên, ở tiểu học, mức độ nhận thức của học sinh, đặc biệt là khả năng tư duy logic ngôn ngữ và khả năng suy diễn còn hạn chế nên trẻ sẽ gặp những khó khăn khác làm

Một số từ được xây dựng thành các kí hiệu tắt:

Chữ phổ thông	Kí hiệu nổi viết tắt	Chữ phổ thông	Kí hiệu nổi viết tắt
biết	:	cửa	::
bên	:	các	::
bài	::	con	::
bằng	::	cùng	::
bảo	::	cá	::
bồng	::	cửa	::
cũng	::	cuộc	::
cho	::	chờ	::
chỗ	::	chợ	::
đã	::	đó	::
đầu	::	đảng	::
do	::	dùng	::
dưới	::	dạng	::
gần	::	gặp	::
góp	::	gọi	::
hơn	::	hãy	::
hỏi	::	hỏi	::
gi	::	giữa	::
giờ	::	giúp	::
gió	::	giọng	::
kia	::	kiểm	::
kéo	::	kiến	::
khi	::	không	::
khỏi	::	khấp	::
là	::	làm	::
lại	::	loại	::
mà	::	minh	::
mở	::	mỗi	::
nên	::	này	::
nổi	::	nữa	::
người	::	ngày	::
ngủ	::	nghĩ	::
nhưng	::	nhiều	::
nhỏ	::	những	::
phải	::	phía	::
phần	::	phạm	::
quyết	::	quả	::
quí	::	quái	::
rất	::	rồi	::
rõ	::	rộng	::
sau	::	sợ	::
sẽ	::	sự	::
tôi	::	từ	::
tỉnh	::	tại	::
thì	::	thành	::
thẳng	::	thật	::
và	::	về	::
vào	::	vấn	::
xin	::	xã	::
xuống	::		

(Xem tiếp trang 41)